

Số: 182/BC-THNT

Mường Thanh, ngày 25 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Công khai các hoạt động giáo dục được quy định tại Chương II của Thông tư 09/2024/TT-BGD&ĐT tính đến tháng 6 năm 2026

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của Bộ giáo dục và Đào tạo;

Trường Tiểu học Nam Thanh công khai các hoạt động giáo dục được quy định tại chương II của Thông tư 09/2024/TT-BGD&ĐT tính đến tháng 6 năm 2026, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Nam Thanh

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Địa chỉ: Tổ dân phố 4 - Phường Mường Thanh - Tỉnh Điện Biên.

Địa chỉ thư điện tử: thnt.mt@ms.dienbien.edu.vn

Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://thnamthanh.muongthanh.edu.vn>.

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập thuộc quyền quản lý trực tiếp của UBND phường Mường Thanh; cơ quan chuyên môn Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Điện Biên.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

4.1. Tầm nhìn

Trở thành trường có chất lượng giáo dục cao và bền vững; là nơi giáo viên và học sinh luôn có niềm vui, tự tin, năng động, sáng tạo; mạnh về trí lực, khỏe về thể chất và có khát vọng vươn tới thành công; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình.

4.2. Sứ mạng, mục tiêu

Tạo dựng môi trường giáo dục lành mạnh, văn minh, hiện đại và hạnh phúc. Tạo điều kiện để mỗi học sinh được học tập, rèn luyện nhằm phát huy những tiềm năng, những năng lực sở trường, tính năng động, sáng tạo và tư duy tốt nhất, đảm bảo khi hoàn thành chương trình Tiểu học các em phải là những người có đạo đức, có sức khỏe, yêu quê hương đất nước, có lòng tự hào dân tộc, có các kỹ năng sống

cơ bản theo lứa tuổi, có kiến thức chắc chắn để học tốt ở bậc học sau.

4.3. Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường

- | | |
|--------------------------|-----------------------------|
| * Tình đoàn kết, hợp tác | * Lòng nhân ái, khoan dung |
| * Tinh thần trách nhiệm | * Tự tin, sáng tạo, đổi mới |
| * Tính trung thực | * Khát vọng vươn lên |

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường Tiểu học Nam Thanh được thành lập hơn 30 năm phấn đấu và trưởng thành nhà trường đã không ngừng phát triển, từng bước ổn định và đi vào hoạt động có hiệu quả, khẳng định được vị thế của mình trong ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên. Nhiều năm qua nhà trường liên tục được UBND tỉnh công nhận Tập thể LĐTT, Tập thể LĐXS; UBND tỉnh tặng Cờ thi đua xuất sắc và Bằng khen. Năm học 2017-2018 được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Ba. Năm học 2022-2023 Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhì, Thủ tướng chính phủ tặng cờ thi đua xuất sắc. Năm học 2024-2025 Bộ Giáo dục tặng Bằng khen. Năm học 2025-2026 đề nghị UBND phường tặng Giấy khen.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Thông tin người đại diện: Hoàng Bích Huệ - Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học Nam Thanh - Tổ 4 - Phường Mường Thanh - Tỉnh Điện Biên.

Số điện thoại: 0983496183 Thư điện tử: hoanghue@dienbienphu.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Quyết định số: 402/QĐ- UB ngày 15/12/2003 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc đổi tên các trường học của phường Nam Thanh, Thanh Trường thuộc thành phố Điện Biên Phủ: Trường Tiểu học Mường Thanh đổi tên trường Tiểu học Nam Thanh thành phố Điện Biên Phủ

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định số: 54/QĐ-UBND ngày 15/1/2023 của UBND thành phố Điện Biên Phủ, Quyết định về việc thành lập Hội đồng trường Tiểu học Nam Thanh nhiệm kỳ 2023-2028;

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND phường Mường Thanh về việc bổ nhiệm viên chức quản lý Hiệu trưởng trường Tiểu học Nam Thanh, phường Mường Thanh bà Hoàng Bích Huệ.

Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND phường Mường Thanh về việc bổ nhiệm viên chức quản lý Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Nam Thanh phường Mường Thanh bà Trần Thị Thu Hiền.

Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND phường Mường Thanh về việc bổ nhiệm viên chức quản lý Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Nam Thanh phường Mường Thanh ông Hoàng Anh Tuấn.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có):

- Trường Tiểu học Nam Thanh thực hiện tổ chức và hoạt động theo Luật Giáo dục và Thông tư số 15/2026/TTBGDDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

* Ban giám hiệu:

- Hiệu trưởng: Hoàng Bích Huệ
- P.Hiệu trưởng : Trần Thị Thu Hiền
- P.Hiệu trưởng: Hoàng Anh Tuấn

* Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng:

- Tổ chuyên môn khối 1:

STT	Họ và tên	Nhiệm vụ được phân công	Ghi chú
1		P.Hiệu trưởng	
2	Nguyễn Thị Hậu	Tổ trưởng - GVCN lớp 1A1	
3	Phạm Thị Quyên	GVCN lớp 1A2	
4	Nhâm Thị Giang	Tổ phó - GVCN lớp 1A3	
5	Nguyễn Thị Hoa	GVCN lớp 1A4	
6	Vũ Đình Hoàng	GV GDTC	
7	Mai Thương	TPT Đội	

- Tổ chuyên môn khối 2:

STT	Họ và tên	Nhiệm vụ được phân công	Ghi chú
1	Hoàng Anh Tuấn	P.Hiệu trưởng	
2	Nguyễn Thị Châm	Tổ trưởng- GVCN lớp 2A1	
3	Lâm Thị Thảo	GV CN lớp 2A2	
4	Đinh Thị Nụ	Tổ phó - GVCN lớp 2A3	
5	Trần Thị Lan Anh	GVCN lớp 2A4	
6	Nguyễn Xuân Quỳnh	GV Mỹ thuật	
7	Nguyễn Thị Yên	GV Tin học	

- Tổ chuyên môn khối 3:

STT	Họ và tên	Nhiệm vụ được phân công	Ghi chú
1	Phạm Thị Tú	Tổ trưởng GVCN lớp 3A2	
2	Phan Thị Lịch	GVCN lớp 3A1	
3	Nguyễn Thị Hoa	GVCN lớp 3A3	
4	Nguyễn Thị Minh Huệ	Tổ phó GVCN lớp 3A4	
5	Trần Thị Thu Thêm	NV thư viện	
6	Vũ Việt Hùng	GV Tin học	

- Tổ chuyên môn khối 4:

STT	Họ và tên	Nhiệm vụ được phân công	Ghi chú
1	Hoàng Bích Huệ	Hiệu trưởng	
2	Phạm Thị Mai Hiền	Tổ trưởng - GVCN lớp 4A1	
3	Vũ Thị Hồng Thanh	GV CN lớp 4A2	

4	Bùi Kim Thơm	Tổ phó - GVCN lớp 4A3	
5	Phạm Thị Thanh Tâm	GVCN lớp 4A4	
6	Cao Trung Tình	GV văn hoá	
7	Nguyễn Thị Quyên	GV Tiếng Anh	

- Tổ chuyên môn khối 5:

STT	Họ và tên	Nhiệm vụ được phân công	Ghi chú
1	Lương Thị Loan	Tổ trưởng - GVCN lớp 5A1	
2	Nguyễn Thị Khánh	GVCN lớp 5A2	
3	Hoàng Thị Thủy	GVCN lớp 5A3	
4	Đỗ Thị Thanh	GVCN lớp 5A4	
5	Trần Thị Liên	GVCN lớp 5A5	
6	Mai Thị Ёn	GV Tiếng Anh	
7	Hoàng Công Thành	GV Âm nhạc	
8	Trần Thanh Quỳnh	GV GDTC	

- Tổ Văn phòng:

STT	Họ và tên	Nhiệm vụ được phân công	Ghi chú
1	Hoàng Thị Hoài Thu	Tổ trưởng - Kế toán	
2	Phạm Hải Yến	Y tế	
3	Đỗ Xuân Trào	Bảo vệ	
4	Đèo Văn Dương	Bảo vệ	
5	Cầm Thị Hà	Văn thư	

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực

thuộc, thành viên (nếu có): Không

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

Bà Hoàng Bích Huệ - Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0983496183

Địa chỉ thư điện tử: hoanghue@dienbienphu.edu.vn

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học Nam Thanh - Tổ 4 - Phường Mường Thanh - Tỉnh Điện Biên.

*** Nhiệm vụ:**

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng sư phạm nhà trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỉ luật, hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; cử giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

Thực hiện các nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục; xây dựng kế hoạch phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên; động viên và tạo điều kiện cho giáo viên và nhân viên tham gia các hoạt động đổi mới giáo dục; thực hiện đánh giá, xếp loại giáo viên, nhân viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tham gia quá trình tuyển dụng, tuyển chuyển, sắp xếp giáo viên; tổ chức các bước giới thiệu nhân sự đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm Phó hiệu trưởng.

Quản lý, tiếp nhận học sinh, cho phép học sinh chuyển trường; quyết định kỉ luật, khen thưởng học sinh; phê duyệt kết quả đánh giá học sinh, danh sách học sinh lên lớp, lưu ban; tổ chức kiểm tra công nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường và các đối tượng khác trên địa bàn trường phụ trách.

Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sách giáo khoa, nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thực hiện quản lý, sử dụng và lựa chọn các xuất bản phẩm tham khảo sử dụng trong nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý. Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với hiệu trưởng: 02 tiết/tuần.

Quản lý hành chính; quản lý và tự chủ trong việc sử dụng các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường theo quy định.

Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện xã hội hoá giáo dục,

phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng xã hội.

Xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường theo quy định của Pháp luật.

Được hưởng chế độ phụ cấp đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định.

Bà Trần Thị Thu Hiền – P.Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0366517433

Địa chỉ thư điện tử: hiendb123@gmail.com;

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học Nam Thanh - Tổ 4 - Phường Mường Thanh - Tỉnh Điện Biên.

Nhiệm vụ:

Phụ trách chuyên môn chung. Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn khối 1.

Phụ trách khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục, công tác đội, các phong trào, cuộc thi, bán trú, công tác khuyến học, chữ thập đỏ.

Giúp HT phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại, danh sách học sinh lên lớp, ở lại lớp; tổ chức kiểm tra xác nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường.

Chịu trách nhiệm điều hành công việc do hiệu trưởng phân công.

Điều hành hoạt động của nhà trường khi được hiệu trưởng ủy quyền.

Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy 4 tiết/tuần.

Chỉ đạo xây dựng các loại hồ sơ, kế hoạch chuyên môn.

Thay Hiệu trưởng ký các văn bản thuộc lĩnh vực, công tác được phân công chỉ đạo, giải quyết và các văn bản do Hiệu trưởng ủy quyền.

Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao với Hiệu trưởng;

Được đề nghị Hiệu trưởng miễn nhiệm tổ trưởng chuyên môn khi nhận thấy tổ trưởng chuyên môn thuộc lĩnh vực mình phụ trách chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao;

Trực tiếp chỉ đạo công tác dạy và học, thao giảng, dự giờ GV.

Phối hợp với các tổ chức trong nhà trường tổ chức các hoạt động VHVN, TDTT, hoạt động trải nghiệm,...

Tổ chức công tác kiểm tra GV trong giảng dạy và giáo dục học sinh, kiểm tra việc bảo quản tài sản, sử dụng đồ dùng, trang thiết bị dạy học.

Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về chất lượng chuyên môn của nhà trường, cùng Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước cấp trên về thực hiện nhiệm vụ năm học.

Căn cứ kế hoạch năm học, lập kế hoạch hoạt động chuyên môn hàng tháng,

hàng tuần, triển khai thực hiện khi có phê duyệt của hiệu trưởng, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch chuyên môn; chuẩn bị nội dung họp chuyên môn.

Dựa theo phân công chuyên môn lập thời khoá biểu, kế hoạch thăm lớp dự giờ, thao giảng, dạy thay...Kiểm tra hoạt động của các lớp, của giáo viên chủ nhiệm.

Kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các loại hồ sơ chuyên môn.

Thực hiện đánh giá chất lượng, kiểm tra chất lượng các kỳ, theo dõi và đề ra biện pháp để thúc đẩy sự tiến triển chất lượng dạy và học.

Thay mặt Hiệu trưởng tham dự các cuộc họp hoặc giải quyết các công việc khi Hiệu trưởng vắng mặt, sau đó phải báo cáo lại cho Hiệu trưởng biết.

Ông Hoàng Anh Tuấn – P.Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0832531899

Địa chỉ thư điện tử: hoangtuanlcdb@gmail.com;

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học Nam Thanh - Tổ 4 - Phường Mường Thanh - Tỉnh Điện Biên.

Nhiệm vụ:

Phụ trách chuyên khối 2+3. Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn khối 2.

Phụ trách lao động, CSVC, phổ cập, công nghệ thông tin, khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục, công tác y tế, thư viện- thiết bị, công tác vệ sinh, công tác đội, bán trú, các phong trào, cuộc thi.

Giúp HT phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại, danh sách học sinh lên lớp, ở lại lớp; tổ chức kiểm tra xác nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường.

Chịu trách nhiệm điều hành công việc do hiệu trưởng phân công.

Điều hành hoạt động của nhà trường khi được hiệu trưởng ủy quyền.

Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy 4 tiết/tuần.

Chỉ đạo xây dựng các loại Hồ sơ, kế hoạch chuyên môn khối 2 + 3.

Thay Hiệu trưởng ký các văn bản thuộc lĩnh vực, công tác được phân công chỉ đạo, giải quyết và các văn bản do Hiệu trưởng ủy quyền.

Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao với Hiệu trưởng;

Được đề nghị Hiệu trưởng miễn nhiệm tổ trưởng chuyên môn khi nhận thấy tổ trưởng chuyên môn thuộc lĩnh vực mình phụ trách chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao;

Trực tiếp chỉ đạo công tác dạy và học, thao giảng, dự giờ GV, công tác phổ cập GDTH.

Phối hợp với các tổ chức trong nhà trường tổ chức các hoạt động VHVN,

TDDT, hoạt động trải nghiệm,...

Tổ chức công tác kiểm tra GV trong giảng dạy và giáo dục học sinh, kiểm tra việc bảo quản tài sản, sử dụng đồ dùng, trang thiết bị dạy học.

Xây dựng kế hoạch, chỉ đạo công tác lao động, vệ sinh trường lớp, bổ sung cơ sở vật chất.

Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về chất lượng chuyên môn của nhà trường, cùng Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước cấp trên về thực hiện nhiệm vụ năm học.

Dựa theo phân công chuyên môn lập thời khoá biểu, kế hoạch thăm lớp dự giờ, thao giảng, dạy thay...Kiểm tra hoạt động của các lớp, của giáo viên chủ nhiệm.

Kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các loại hồ sơ chuyên môn.

Thực hiện đánh giá chất lượng, kiểm tra chất lượng các kỳ, theo dõi và đề ra biện pháp để thúc đẩy sự tiến triển chất lượng dạy và học.

Thay mặt Hiệu trưởng tham dự các cuộc họp hoặc giải quyết các công việc khi Hiệu trưởng vắng mặt, sau đó phải báo cáo lại cho Hiệu trưởng biết.

8. Các văn bản khác của nhà trường: Quy chế dân chủ; các; quy định về quản lý hành chính, tài chính, nhân sự;...

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo

T T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp (hạng)			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	IV	III	II	Tốt	Kh	Đạt	CD
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	41	0	2	35	1	1	2	0	10	25	33	2		
I	Giáo viên	32			32					10	22	30	2		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	9													
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	2			2						2	2			
3	Tin học	2			2					1	1	2			
4	Âm nhạc	2			2					1	1	2			
5	Mỹ thuật	1			1						1	1			

6	Thẻ dực	2			2					2		2			
II	Cán bộ quản lý										3	3			
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1						2	2			
II	Nhân viên														
I															
1	Nhân viên văn thư	1						1							
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1				1									
5	Nhân viên thư viện	1			1										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

CBQL: Đồng chí Hiệu trưởng và đồng chí Phó hiệu trưởng được cấp trên đánh giá chuẩn nghề nghiệp mức độ: Tốt đạt 100%.

Giáo viên: 32 đồng chí giáo viên đạt loại tốt đạt tỉ lệ: $30/32 = 93,75\%$; 02 đồng chí xếp loại khá đạt tỉ lệ 6,25%.

Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: $35/35 = 100\%$ (trong đó 03 CBQL, 32 GV)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Cơ sở vật chất- diện tích đất, thiết bị

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	21/21	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	21/21	1,5 m ²
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-

III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	4586,2 m ²	6,4 m ²
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1500 m ²	2,1 m ²
VI	Tổng diện tích các phòng	1224 m ²	1,7 m ²
1	Diện tích phòng học (m ²)	1008 m ²	1,4 m ²
2	Diện tích thư viện (m ²)	48m ²	1,4 m ²
3	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m²)</i>		
4	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m²)</i>		
5	<i>Diện tích phòng ngoại ngữ (m²)</i>	48 m ²	1,4 m ²
6	<i>Diện tích phòng học tin học (m²)</i>	48 m ²	1,4 m ²
7	<i>Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m²)</i>	24 m ²	
8	<i>Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m²)</i>	12 m ²	
9	<i>Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m²)</i>	36 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	21 bộ	
1.1	Khối lớp 1	04 bộ	01 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2	04 bộ	01 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 3	04 bộ	01 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 4	04 bộ	01 bộ/lớp
1.5	Khối lớp 5	05 bộ	01 bộ/lớp
2	Tổng số TB dạy học tối thiểu thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	35	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	04	
2	Cát xét	12	
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	16	
5	Thiết bị khác:- Máy in	06	
6	Bảng tương tác	05	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	70 m ²
XI	Nhà ăn	Không

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	Không		
XIII	Khu nội trú	Không		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	70 m ²	35/35		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	Không	Không	Không	Không	Không

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được các cơ quan thẩm quyền phê duyệt

Sách giáo khoa lớp 1 thực hiện như năm học 2020-2021 và điều chỉnh theo Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh, lớp 2 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 và điều chỉnh theo Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh, lớp 3 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh, lớp 4 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND tỉnh, lớp 5 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh. Cụ thể:

Sách giáo khoa Chương trình GDPT 2018				
Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Tiếng Việt 1 (tập 1,2)	Tiếng Việt 2 (tập 1,2)	Tiếng Việt 3 (tập 1,2)	Tiếng Việt 2 (tập 1,2)	Tiếng Việt 2 (tập 1,2)
Toán 1	Toán 2	Toán 3	Toán 4	Toán 5
Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 4	Tiếng Anh 5
		Tin học 3	Tin học 4	Tin học 5
		Công nghệ 3	Công nghệ 4	Công nghệ 5
			Lịch sử và Địa lý 4	Lịch sử và Địa lý 5
TNXH 1	TNXH 2	TNXH 3	Khoa học 4	Khoa học 5
Đạo đức 1	Đạo đức 2	Đạo đức 3	Đạo đức 4	Đạo đức 5
Âm nhạc 1	Âm nhạc 2	Âm nhạc 3	Âm nhạc 4	Âm nhạc 5
Mĩ thuật 1	Mĩ thuật 2	Mĩ thuật 3	Mĩ thuật 4	Mĩ thuật 5
Giáo dục thể chất 1	Giáo dục thể chất 2	Giáo dục thể chất 3	Giáo dục thể chất 4	Giáo dục thể chất 5
Hoạt động trải nghiệm 1	Hoạt động trải nghiệm 2	Hoạt động trải nghiệm 3	Hoạt động trải nghiệm 4	Hoạt động trải nghiệm 5
Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 1	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 2	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 3	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 4	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 5

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

1.1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	x
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x

Tiêu chí 1.5		X		
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	X
Tiêu chí 1.8		X	X	X
Tiêu chí 1.9		X	X	X
Tiêu chí 1.10		X	X	X
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

1.1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4	X		
Tiêu chí 5	X		

Đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3

1.2. Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 02.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia:

Nhà trường được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 và Đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3

theo Quyết định số 431/QĐ-SGDĐT ngày 12/7/2023

V. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

a) Kế hoạch tuyển sinh, Năm học: 2026-2027

Phương thức tuyển sinh: xét tuyển.

Đối tượng tuyển sinh:

Tuyển tất cả trẻ em 6 tuổi sinh năm 2020 và số trẻ sinh năm 2019, 2018, 2017,... chưa ra học lớp 1, kể cả trẻ khuyết tật trên địa bàn phường Mường Thanh (nếu có); học sinh 6 tuổi các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh khác có nhu cầu học tại trường Tiểu học Nam Thanh.

Hồ sơ tuyển sinh

Đơn xin học (theo mẫu nhà trường).

Bản sao giấy khai sinh hợp lệ (kèm theo bản chính để đối chiếu).

Bản chính hoặc bản sao các giấy tờ xác nhận có liên quan đến chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

Chỉ tiêu tuyển sinh

Số lớp: 04 lớp

Số học sinh: 103 học sinh

Thời gian, địa điểm tuyển sinh:

- Thời gian: Từ ngày 25/5/2026 đến hết ngày 15/6/2026 (nhận hồ sơ trong giờ hành chính; trừ thứ bảy, chủ nhật)

- Địa điểm: Phòng học lớp 3A1 (tầng 1)

- Số điện thoại liên hệ: 0832531899 – Thầy Hoàng Anh Tuấn (P.Hiệu trưởng)

- Thông báo kết quả tuyển sinh: Ngày 01/8/2026

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường (Công khai tháng 12/2026)

c) Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh (Trích nội dung quy chế)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đối tượng thực hiện; trách nhiệm, quyền hạn của nhà trường, UBND phường và gia đình; nội dung phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong công tác giáo dục học sinh; quy định chế độ khen thưởng, xử lý vi phạm.

2. Quy chế được áp dụng trong trường Tiểu học Nam Thanh, các gia đình có

người học tại trường Tiểu học Nam Thanh; UBND phường Mường Thanh.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Đảm bảo sự thống nhất về quan điểm, nội dung, phương pháp giáo dục nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu giáo dục.

2. Tổ chức các hoạt động phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong công tác tuyên truyền vận động học sinh ra lớp, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần, nâng cao chất lượng giáo dục trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi bên theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Bảo đảm tính kỷ luật, kỷ cương và hiệu quả trong các hoạt động phối hợp; nâng cao trách nhiệm của mỗi bên tham gia.

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Phối hợp trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục, phối hợp tuyên truyền vận động đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch, duy trì tỷ lệ chuyên cần.

2. Phối hợp trong quản lý học sinh, tạo điều kiện để học sinh được học tập và rèn luyện; giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh; động viên khen thưởng học sinh có thành tích; giáo dục học sinh cá biệt.

3. Phối hợp trong xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp.

4. Phối hợp trong công tác đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và ngoài nhà trường.

Điều 4. Đại diện

Đại diện nhà trường là Hiệu trưởng, đại diện gia đình học sinh là ban đại diện phụ huynh học sinh; đại diện UBND phường là Chủ tịch UBND và các đoàn thể chính trị - xã hội do Đoàn phường làm đại diện.

Chương II

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA NHÀ TRƯỜNG, UBND, GIA ĐÌNH

Điều 5. Trách nhiệm của nhà trường

1. Quản lý, tổ chức giảng dạy và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu chương trình giáo dục, thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khoá nhằm hình thành và rèn cho học sinh kỹ năng sống, kỹ năng thực hành, nếp sống, ý thức tổ chức kỷ luật.

2. Quản lý, giáo dục và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh trong thời gian học tập ở trường, tham gia hoạt động ngoại khoá trong và ngoài nhà trường.

3. Nâng cao vai trò trách nhiệm của cán bộ, giáo viên đặc biệt là vai trò của giáo viên chủ nhiệm trong việc phối hợp với giáo viên bộ môn thực hiện đánh giá chính xác, công bằng, công khai hạnh kiểm, học lực của học sinh; thường xuyên trao đổi với gia đình học sinh theo đúng quy định.

4. Nâng cao vai trò, trách nhiệm và vị trí của tổ chức đoàn, đội, hội trong việc xây

dựng nề nếp tự quản, giáo dục lý tưởng hoài bão ước mơ cho học sinh; phối hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm và các cấp bộ Đoàn ở cơ sở để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh. Tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho học sinh. Tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị để người học được vui chơi, giải trí, hoạt động thể dục, thể thao lành mạnh, sau các giờ học văn hoá.

5. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật theo yêu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá, đáp ứng yêu cầu học tập của học sinh; xây dựng nhà trường đảm bảo an ninh trật tự, cảnh quan xanh, sạch, đẹp; giáo dục học sinh có ý thức xây dựng và bảo vệ môi trường.

6. Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn phòng chống cháy nổ, phòng chống tai nạn thương tích, thiên tai, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm và các tệ nạn xã hội.

7. Huy động lực lượng giáo viên và học sinh cùng với địa phương triển khai công tác phổ cập giáo dục, chủ động cùng chính quyền và gia đình tạo điều kiện cho trẻ được hưởng quyền học tập theo quy định của pháp luật.

8. Thường xuyên liên hệ chặt chẽ với gia đình học sinh, nắm bắt kịp thời diễn biến tư tưởng, tinh thần thái độ học tập của học sinh ở nhà để có biện pháp phối hợp giáo dục; phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh, trao đổi thông tin, hỗ trợ cha mẹ học sinh về kiến thức, phương pháp giáo dục con em. Định kỳ họp với cha mẹ học sinh thông tin đầy đủ quá trình học tập, rèn luyện của học sinh, trên cơ sở đó đề xuất biện pháp phù hợp trong phối hợp giáo dục học sinh.

9. Tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, đoàn thể xây dựng môi trường giáo dục thống nhất nhằm, thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục.

10. Phối hợp với các cơ quan, các ban, ngành chức năng, các tổ chức đoàn thể trên địa bàn tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật, trật tự ATGT, nếp sống văn hoá, giáo dục về sức khoẻ sinh sản vị thành niên, an toàn vệ sinh thực phẩm, môi trường cho học sinh; tổ chức tốt các hoạt động ngoại khoá, tạo điều kiện cho học sinh tham gia vào các phong trào, hoạt động văn hoá- xã hội-khoa học-kỹ thuật.

11. Báo cáo kịp thời với UBND phường về tổ chức thực hiện Quy chế ở đơn vị mình.

Điều 6. Quyền hạn của nhà trường

1. Thực hiện các quyền hạn theo quy định của Điều lệ nhà trường và quy định của pháp luật.

2. Tham mưu với UBND các cấp đầu tư về cơ sở vật chất, các điều kiện phục vụ cho hoạt động dạy và học của nhà trường theo mục tiêu giáo dục toàn diện và quy định xây dựng cơ sở vật chất trường chuẩn quốc gia.

3. Kiến nghị với chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng đảm bảo điều kiện về an ninh trật tự khu vực trường học và cơ sở giáo dục, không để các tiêu cực, tệ nạn xã hội tác động ảnh hưởng xấu đến môi trường giáo dục.

4. Phối hợp cùng Ban đại diện cha mẹ học sinh vận động cha mẹ học sinh và

các lực lượng xã hội khác tham gia đóng góp kinh phí xây dựng cơ sở vật chất trường học theo pháp luật hiện hành.

Điều 7. Trách nhiệm của gia đình

1. Nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc, tạo điều kiện cho con em được học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động của nhà trường; không để con em bỏ học, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của trẻ em.

2. Xây dựng gia đình văn hoá, tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ của con em; tạo điều kiện thuận lợi cho con em học tập tại nhà, cùng nhà trường nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

3. Quản lý, giám sát lịch trình học tập, vui chơi giải trí, sinh hoạt của con em mình tại nhà. Nắm vững diễn biến tư tưởng, đạo đức, học lực của con em, chủ động thông báo cho nhà trường và giáo viên chủ nhiệm những vấn đề không bình thường của con em mình và những học sinh khác để thống nhất biện pháp phối hợp giáo dục.

4. Chủ động, tích cực phối hợp cùng nhà trường và các tổ chức đoàn thể giáo dục con em; phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của con em mình gây ra theo quy định của pháp luật.

5. Tham gia đầy đủ các cuộc họp do Ban giám hiệu nhà trường hoặc giáo viên chủ nhiệm tổ chức, tích cực tham gia công tác xã hội hóa giáo dục và hưởng ứng các hoạt động của Hội khuyến học.

Điều 8. Quyền của gia đình

1. Cha mẹ học sinh có các quyền quy định tại Điều 95 của Luật Giáo dục và trong Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

2. Tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về nội dung, chương trình phối hợp và phương pháp giáo dục học sinh của trường.

3. Yêu cầu nhà trường thường xuyên thông báo kết quả học tập và rèn luyện của con em mình; tham gia các hoạt động giáo dục theo kế hoạch của nhà trường; yêu cầu nhà trường, cơ quan quản lý giáo dục giải quyết theo pháp luật những vấn đề có liên quan đến việc giáo dục con em.

Điều 9. Trách nhiệm của UBND phường

1. Quan tâm chỉ đạo và tham gia quản lý sự nghiệp giáo dục, theo chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Tuyên truyền để mọi tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang và mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn làm tốt công tác tuyên truyền vận động, tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh đến trường và tích cực tham gia công tác xã hội hóa giáo dục.

3. Chỉ đạo Đoàn phường phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc vận động học sinh tới trường. Có chế tài xử lý những trường hợp không thực hiện đúng chức năng trong việc góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

4. Đầu tư về nhân lực, vật lực cho sự phát triển giáo dục. Sẵn sàng đáp ứng khi nhà trường có những yêu cầu đề nghị về sự hỗ trợ, giúp đỡ trong công tác tuyên truyền vận động giáo dục học sinh; chủ động xây dựng các quỹ khuyến học, khuyến tài để khen thưởng động viên kịp thời học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện.

Điều 10. Quyền hạn của UBND phường

1. Yêu cầu nhà trường thông báo định kì hoặc đột xuất về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của đơn vị, các vấn đề liên quan đến học sinh và nhà trường.

2. Yêu cầu nhà trường phối hợp để triển khai, thực hiện những chủ trương, nhiệm vụ có nội dung liên quan tới giáo dục cho học sinh.

Điều 11. Ban đại diện cha mẹ học sinh căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ quy định chủ động phối hợp chặt chẽ với nhà trường và cấp ủy, chính quyền địa phương tổ chức thực hiện Quy chế này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Đề nghị Đoàn phường và các tổ chức thành viên động viên nhân dân trong xã chăm lo sự nghiệp giáo dục; vận động gia đình thực hiện tốt Quy chế này; Xây dựng cam kết giữa Đoàn phường với Ban đại diện cha mẹ học sinh và nhà trường tổ chức thực hiện Quy chế này.

Điều 13. Hội đồng giáo dục, Hội khuyến học, căn cứ vào Điều lệ của Hội, phổ biến, triển khai nội dung Quy chế này tới các thành viên, tham gia chỉ đạo thực hiện Quy chế.

Điều 14. UBND phường trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình chỉ đạo thực hiện tốt các nội dung:

1. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy chế này tại địa phương; chỉ đạo các tổ dân phố bản tăng cường công tác tuyên truyền vận động các hộ gia đình tham gia tích cực phong trào xã hội hóa giáo dục.

2. Định kì, đột xuất kiểm tra các thôn, bản, nhà trường về việc thực hiện Quy chế này.

Điều 15. Các tổ trưởng tổ dân phố bản, các ban ngành đoàn thể trong phường căn cứ phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của mình phổ biến, quán triệt tới cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân tổ chức thực hiện Quy chế này.

Điều 16. Định kỳ sơ kết học kì I, tổng kết năm học UBND phường phối hợp với các lực lượng giáo dục tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nội dung cam kết phối hợp thực hiện Quy chế, báo cáo với UBND thành phố.

Điều 17. Khen thưởng

Tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện Quy chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội được nhà trường, chính quyền địa phương và các cơ quan

quản lý giáo dục xem xét, khen thưởng theo quy định.

Điều 18. Xử lý vi phạm

Tập thể, cá nhân thiếu tinh thần trách nhiệm trong chỉ đạo thực hiện Quy chế, ảnh hưởng tới sự nghiệp giáo dục, thiệt hại đến lợi ích của nhà trường, gia đình học sinh và gây hậu quả xã hội nghiêm trọng tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh tại nhà trường

- Các Hoạt động trải nghiệm.
- Các buổi sinh hoạt tập thể.

đ) Thực đơn theo tuần

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2025-2026

a) *Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:*

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1	Kết quả tuyển sinh NH 2025-2026	137	137				
2	Số học sinh	708	137	147	137	135	152
3	Số lớp	21	4	4	4	4	5
4	Sĩ số bình quân	33,71	34,25	36,75	34,25	33,75	30,4
5	Số học sinh học 2 buổi/ngày	708	137	147	137	135	152
6	Số học sinh dân tộc	250	57	54	51	39	49
7	Số học sinh khuyết tật	11	4	2	0	1	4
8	Số học sinh thuộc diện chính sách	28	8	5	3	5	7
9	Số học sinh chuyển đi	22	0	8	8	2	4
10	Số học sinh chuyển đến	16	1	4	7	2	2

b) *Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:*

	Tổng số HS có KQ ĐG	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
		Tổng số HS có KQĐG	Tỉ lệ	Tổng số HS có KQĐG	Tỉ lệ	Tổng số HS có KQ ĐG	Tỉ lệ	Tổng số HS có KQ ĐG	Tỉ lệ	Tổng số HS có KQ ĐG	Tỉ lệ
<i>1. Kết quả học tập</i>											
<i>1. Tiếng Việt</i>	699	133		146		137		135		148	
Hoàn thành tốt	638	119	89.5	139	95.2	125	91.2	124	91.9	131	88.5
Hoàn thành	61	14	10.5	7	4.8	12	8.8	11	8.1	17	11.5
Chưa hoàn thành											
<i>2. Toán</i>	699	133		146		137		135		148	
Hoàn thành tốt	588	118	88.7	141	96.6	113	82.5	95	70.4	121	81.8
Hoàn thành	111	15	11.3	5	3.4	24	17.5	40	29.6	27	18.2
Chưa hoàn thành											
<i>3. Đạo đức</i>	699	133		146		137		135		148	
Hoàn thành tốt	666	118	88.7	139	95.2	131	95.6	133	98.5	145	98.0
Hoàn thành	33	15	11.3	7	4.8	6	4.4	2	1.5	3	2.0
Chưa hoàn thành											
<i>4. Tự nhiên và Xã hội</i>	416	133		146		137					
Hoàn thành tốt	376	116	87.2	139	95.2	121	88.3				
Hoàn thành	40	17	12.8	7	4.8	16	11.7				
Chưa hoàn thành											
<i>5. Khoa học</i>	283							135		148	
Hoàn thành tốt	279							132	97.8	147	99.3
Hoàn thành	4							3	2.2	1	.7
Chưa hoàn thành											
<i>6. LS&ĐL</i>	283							135		148	
Hoàn thành tốt	266							124	91.9	142	95.9
Hoàn thành	17							11	8.1	6	4.1
Chưa hoàn thành											
<i>7. Nghệ thuật (Âm nhạc)</i>	699	133		146		137		135		148	

[illegible]

II. Năng lực cốt lõi											
Năng lực chung											
Tự chủ và tự học	699	133		146		137		135		148	
Tốt	640	116	87.2	136	93.2	128	93.4	129	95.6	131	88.5
Đạt	59	17	12.8	10	6.8	9	6.6	6	4.4	17	11.5
Cần cố gắng											
Giao tiếp và hợp tác	699	133		146		137		135		148	
Tốt	655	116	87.2	136	93.2	129	94.2	133	98.5	141	95.3
Đạt	44	17	12.8	10	6.8	8	5.8	2	1.5	7	4.7
Cần cố gắng											
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	699	133		146		137		135		148	
Tốt	613	116	87.2	135	92.5	126	92.0	111	82.2	125	84.5
Đạt	86	17	12.8	11	7.5	11	8.0	24	17.8	23	15.5
Cần cố gắng											
Năng lực đặc thù											
Ngôn ngữ	699	133		146		137		135		148	
Tốt	634	116	87.2	138	94.5	127	92.7	124	91.9	129	87.2
Đạt	65	17	12.8	8	5.5	10	7.3	11	8.1	19	12.8
Cần cố gắng											
Tính toán	699	133		146		137		135		148	
Tốt	597	116	87.2	136	93.2	121	88.3	103	76.3	121	81.8
Đạt	102	17	12.8	10	6.8	16	11.7	32	23.7	27	18.2
Cần cố gắng											
Tin học	420					137		135		148	
Tốt	402					131	95.6	127	94.1	144	97.3
Đạt	18					6	4.4	8	5.9	4	2.7
Cần cố gắng											
Công nghệ	420					137		135		148	
Tốt	398					131	95.6	130	96.3	137	92.6
Đạt	22					6	4.4	5	3.7	11	7.4
Cần cố gắng											
Khoa học	699	133		146		137		135		148	
Tốt	659	116	87.2	137	93.8	127	92.7	132	97.8	147	99.3
Đạt	40	17	12.8	9	6.2	10	7.3	3	2.2	1	.7
Cần cố gắng											
Thẩm mĩ	699	133		146		137		135		148	
Tốt	653	116	87.2	136	93.2	126	92.0	134	99.3	141	95.3

[illegible]

Khối	TS HS được đánh giá	HTXS		HTT		HT		CHT	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	133	77	57,9	38	28,6	18	13,5	0	
2	146	79	54,1	54	36,9	13	8,9	0	
3	137	46	33,6	58	42,3	33	24,1	0	
4	135	55	40,7	33	24,4	47	34,8	0	
5	148	63	42,6	45	30,4	40	27,0	0	
Cộng	699	320	45,9	228	31,6	151	21,3	0	

Học sinh chuyển lớp : 708/708 đạt 100%

Học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học: 152/152 đạt 100%

Học sinh trúng tuyển vào cấp THCS: 152/152 đạt 100%

HS được khen thưởng cấp trường 541/699 đạt 77,4%.

Cháu ngoan Bác Hồ: 699/708 em, đạt 98,7%

Lớp xuất sắc: 10/21 lớp; lớp tiên tiến: 11/21 lớp.

Kết quả thi Violympic Toán trên internet:

Thi Violympic Toán trên Internet cấp trường có 299 học sinh đạt giải trong đó giải Vàng: 37 giải; giải Bạc: 82 giải; giải Đồng: 90 giải; giải Khuyến khích: 90 giải.

Thi Violympic Toán trên Internet cấp cụm trường có 246 học sinh đạt giải trong đó giải Vàng: 31 giải; giải bạc: 68 giải; giải Đồng: 77 giải; giải Khuyến khích: 70 giải.

Thi giải Toán Internet cấp tỉnh kết quả: 181 em đạt giải trong đó : 45 giải Vàng, 36 giải Bạc ; 40 giải Đồng ; 60 giải Khuyến khích.

Thi Toán trên Internet cấp Quốc gia : 14 em đạt giải trong đó 4 giải Đồng; 5 giải Khuyến khích.

Kết quả thi Trạng nguyên Tiếng Việt trên internet:

- Thi Trạng Nguyên TV cấp trường 180 học sinh đạt giải trong đó: Giải Nhất: 29 giải; Giải Nhì: 44 giải; Giải Ba: 50 giải; Giải Khuyến khích: 57 giải

Thi Trạng Nguyên TV cấp phường (thi Hương) kết quả: 100 em đạt giải trong đó giải Nhất: 18 giải; Giải Nhì: 29 giải; Giải Ba: 28 giải; Giải Khuyến khích: 25 giải.

Thi Trạng Nguyên TV cấp tỉnh (thi Hội) kết quả: 44 em đạt giải trong đó : 3 giải Nhất ; 6 giải Nhì ; 12 giải Ba ; 23 giải Khuyến khích.

Kết quả thi Olympic Tiếng Anh trên internet:

- Thi tiếng Anh cấp trường có 73 học sinh đạt giải trong đó giải Nhất: 7 giải; Giải Nhì: 10 giải; Giải Ba: 23 giải; Giải Khuyến khích: 33 giải.

- Thi tiếng Anh cấp phường: có 27 em đạt giải trong đó giải nhất: 5 giải; giải Nhì: 7 giải; Giải Ba: 8 giải; Giải Khuyến khích: 7 giải.

- Thi tiếng Anh cấp tỉnh kết quả : 19 em đạt giải trong đó : 4 giải Nhất ; 7 giải Nhì ; 2 giải Ba ; 6 giải Khuyến khích.

- Thi tiếng Anh cấp Quốc gia: 2 em đạt giải trong đó 2 giải Bạc, 1 giải Đồng, 1 giải Khuyến khích.

Kết quả thi VioEdu trên internet:

- Thi VioEdu cấp phường: có 35 em đạt giải trong đó giải nhất: 7 giải; giải Nhì: 8 giải; giải Ba: 8 giải; giải Khuyến khích: 12 giải.

- Thi VioEdu cấp tỉnh: có 13 em đạt giải trong đó giải nhất: 1 giải; giải Nhì: 1 giải; giải Ba: 4 giải; giải Khuyến khích: 7 giải.

Kết quả Hội thao cấp trường:

Môn cờ vua: 2 giải Nhất, 2 giải Nhì, 6 giải Ba, 7 Khuyến khích.

Môn cầu lông: 5 giải Nhất, 6 giải Nhì, 7 giải Ba, 1 Khuyến khích.

Môn bơi: 6 giải Nhất, 4 giải Nhì, 10 giải Ba, 1 Khuyến khích.

Môn bóng đá: 1 đội huy chương Vàng, 1 đội huy chương Bạc, 2 đội huy chương Đồng, 4 đội giải phong trào.

Ngày hội STEM cấp trường trao 10 giải cho 05 trạm STEM các khối lớp.

Tham gia Hội thi kể chuyện theo sách cấp tỉnh kết quả tham gia Hội thi kể chuyện theo sách cấp tỉnh đạt giải nhì cấp tiểu học, đạt giải đội giới thiệu đội hình hay, được Sở Văn hóa tặng Giấy khen.

Tham gia cuộc thi “Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng, chống bạo lực học đường” lần thứ III năm 2026” cấp phường đạt 4 giải trong đó 1 giải Nhất, 1 giải Nhì, 1 giải ba, 1 giải Khuyến khích, cấp tỉnh 1 giải tiềm năng.

Tham gia giải bơi cấp phường: 3 giải Nhất, 1 giải Nhì, 5 giải Ba.

Tham gia thi vẽ tranh “chiếc ô tô mơ ước”: 1 học sinh được chọn vào vòng quốc gia.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Số TT	Chỉ tiêu	Năm báo cáo	Năm liền kề trước năm báo cáo
I	Tổng số thu	12,967,349,556	10,618,173,035
1	Nguồn ngân sách cấp	12,611,764,356	9,791,513,035
1.1	Nguồn chi thường xuyên	11,746,266,998	9,229,763,035
1.2	Nguồn chi không thường xuyên	1,221,082,558	561,750,000
	Trong đó: - Mua sắm trang thiết bị dạy và học	754,832,558	306,000,000
	- Hỗ trợ chi phí học tập	23,250,000	30,750,000
	- Thưởng theo ND 73/2024/ND-CP	443,000,000	225,000,000
2	Nguồn thu khác	355,585,200	826,660,000
	Dọn vệ sinh công cộng cho học sinh(Thỏa thuận)	69,450,000	116,000,000
	Tiếng Anh tự chọn cho học sinh Lớp 1,2	83,365,200	499,560,000
	Hỗ trợ các hoạt động giáo dục; tu bổ cơ sở vật chất	202,770,000	211,100,000
II	Tổng số chi	12,595,727,300	10,618,173,035
1	Nguồn chi thường xuyên	10,863,971,082	9,229,763,035
	Tiền lương và các khoản theo lương	9,896,051,497	8,481,757,418
	Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	124,597,000	94,735,601
	Chi hoạt động giáo dục	272,988,301	485,258,981
	Chi nghỉ chế độ	570,334,284	168,011,035
2	Nguồn chi không thường xuyên	1,376,171,018	561,750,000
	Trong đó: - Mua sắm trang thiết bị dạy và học	754,832,558	306,000,000
	- Hỗ trợ chi phí học tập	23,250,000	30,750,000
	- Thưởng theo ND 73/2024/ND-CP	443,000,000	225,000,000
	- Phần mềm, ứng dụng, hỗ trợ khác	17,000,000	
	- Chế độ GV dạy HSKT	138,088,460	

3	Nguồn chi khác	355,585,200	826,660,000
	Dọn vệ sinh công cộng cho học sinh(Thỏa thuận)	69,450,000	116,000,000
	Tiếng Anh tự chọn cho học sinh Lớp 1,2	83,365,200	499,560,000
	Hỗ trợ các hoạt động giáo dục; tu bổ cơ sở vật chất	202,770,000	211,100,000
III	Số dư cuối kỳ	371,622,256	
1	Nguồn ngân sách cấp (hủy dự toán)	3,122,256	
1.1	Nguồn chi thường xuyên		
1.2	Nguồn chi không thường xuyên	3,122,256	
2	KP được phép chuyển sang năm sau sử dụng	368,500,000	
2.1	Kinh phí chi thường xuyên	36.800.000	
2.2	Kinh phí chi không thường xuyên	331,700,000	

Trên đây là công khai các hoạt động giáo dục được quy định tại Chương II của TT 09/2024/TT-BGDĐT Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân Tính đến tháng 6 năm 2026 của trường Tiểu học Nam Thanh. Nay nhà trường báo cáo công khai trên website nhà trường, bản tin nhà trường và trong cuộc họp VC-NLĐ nhà trường để các cấp quản lý, VC-NLĐ cha mẹ học sinh, học sinh nhà trường và nhân dân được biết./.

Nơi nhận:

- UBND phường
- Phòng VH-XH;
- Trang TTĐT;
- CB, GV, NV, PH;
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Bích Huệ